



FROM



arkansas
health & wellness.

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.ARhealthwellness.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Arkansas Health & Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24</i> 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS</i> 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS</i> 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24</i> 10 MG, 15 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24</i> 5 MG	1	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS</i> 5 MG, 10 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl</i> 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl</i> 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd)</i> TB12	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl</i> CP24	1	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl</i> TABS	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> CP24 20 MG, 40 MG	1	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> CP24	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1	QL(2 ea daily); ST
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
			<i>etodolac CAPS</i>	1	
			<i>etodolac TABS</i>	1	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
			<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indomethacin CPR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBP</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS</i>	1	
<i>salsalate</i>	1	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CODEINE SULFATE TABS	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1		<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1		<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR</i>	0		SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA
METHADONE HCL SOLN IJ	0		SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 ea daily)	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	Opioid Partial Agonists		
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
			<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
			<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ml daily); PA
			<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ml daily)
			<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
			SUBLOCADE SOSY	3	
			ZUBSOLV SUBL	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
Vasodilating Agents		
RECTIV 0.4 % (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
ANTIANSIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>bupirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA
<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOLR</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ea daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 gm daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ml daily)
<i>SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>SPIRIVA RESPIMAT AERS</i>	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Leukotriene Modulators			Sympathomimetics		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	Limit 2 inhalers per month; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl pack lmt per fill
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1	
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1	QL(15 ml daily)
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>zileuton TB12</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ml daily)
Steroid Inhalants			BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA	BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ml daily); PA	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>fluticasone propionate hfa</i>	2	2 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 2 mail pack lmt amt	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)			
QVAR REDHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone-salmeterol</i> AERO	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
<i>formoterol fumarate</i> NEBU	1	QL(4 ml daily)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>ipratropium-albuterol</i> SOLN	1	QL(18 ml daily)	XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
<i>levalbuterol hcl 1.25</i> MG/0.5ML	1		XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
<i>levalbuterol hcl</i>	1	QL(12 ml daily)	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 gm daily)	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	Heparins And Heparinoid-Like Agents		
STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>enoxaparin sodium SOLN</i> IJ 300 MG/3ML	4	QL(6 ml daily)
STRIVERDI RESPIMAT	2		<i>enoxaparin sodium SOSY</i> 30 MG/0.3ML	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1		<i>enoxaparin sodium SOSY</i> 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	4	QL(1.6 ml daily)
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1		<i>enoxaparin sodium SOSY</i> 60 MG/0.6ML	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>enoxaparin sodium SOSY</i> 40 MG/0.4ML	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
Xanthines			<i>enoxaparin sodium SOSY</i> 100 MG/ML, 150 MG/ML	4	QL(2 ml daily)
<i>aminophylline SOLN</i>	1		<i>fondaparinux sodium 7.5</i> MG/0.6ML	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline ELIX</i>	1		<i>fondaparinux sodium 2.5</i> MG/0.5ML	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline SOLN</i>	1	QL(56 ml daily)	<i>fondaparinux sodium 10</i> MG/0.8ML	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline TB12</i>	1				
<i>theophylline TB24</i>	1				
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners					
Coumarin Anticoagulants					
<i>warfarin sodium TABS</i>	1				
Direct Factor Xa Inhibitors					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
Thrombin Inhibitors			Anticonvulsants - Misc.		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1		APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1		BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW</i>	1	
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1	
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ml daily); PA	<i>carbamazepine SUSP</i>	1	
<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine TABS</i>	1	
<i>clonazepam TABS</i>	1		<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT CAPS	4	QL(12 ea daily); PA
			DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
			DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
			EPIDIOLEX	3	PA
			<i>gabapentin CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ml daily)	TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1		TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3		<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1		<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ml daily)	Carbamates		
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 ea daily)	GABA Modulators		
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1	
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA	Hydantoins		
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	DILANTIN	2	
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA	DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1		DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ml daily); PA	DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 ea daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
			<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
			<i>phenytoin CHEW</i>	1	
			<i>phenytoin SUSP</i>	1	
			Succinimides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CELONTIN (methsuximide)	3	QL(4 ea daily)
ethosuximide CAPS	1	QL(6 ea daily)
ethosuximide SOLN	1	QL(30 ml daily)
methsuximide	1	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
divalproex sodium TB24	1	
divalproex sodium TBEC	1	
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	1	
valproic acid CAPS	1	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
mirtazapine TABS 15 MG	1	QL(3 ea daily)
mirtazapine TABS 30 MG	1	QL(1.5 ea daily)
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	1	QL(1 ea daily)
mirtazapine TBDP 45 MG	1	QL(1 ea daily)
mirtazapine TBDP 30 MG	1	QL(1.5 ea daily)
mirtazapine TBDP 15 MG	1	QL(3 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
bupropion hcl TABS	1	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB12 150 MG	1	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB12 100 MG	1	QL(4 ea daily)
bupropion hcl TB12 200 MG	1	QL(2 ea daily)
bupropion hcl TB24 150 MG	1	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB24 300 MG	1	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
phenelzine sulfate	1	
tranylcypromine sulfate	1	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
citalopram hydrobromide SOLN	1	QL(20 ml daily)
citalopram hydrobromide TABS 20 MG	1	QL(2 ea daily)
citalopram hydrobromide TABS 40 MG	1	QL(1 ea daily)
citalopram hydrobromide TABS 10 MG	1	QL(4 ea daily)
escitalopram oxalate SOLN	1	QL(20 ml daily)
escitalopram oxalate TABS 20 MG	1	QL(1 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 5 MG	1	QL(4 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 10 MG	1	QL(2 ea daily)
fluoxetine hcl CAPS 10 MG	1	QL(1 ea daily)
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	1	QL(2 ea daily)
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	1	QL(3 ea daily)
fluoxetine hcl CPDR	1	
fluoxetine hcl SOLN	1	QL(20 ml daily)
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	1	QL(1 ea daily)
fluoxetine hcl TABS 20 MG	1	QL(3 ea daily)
fluvoxamine maleate TABS 100 MG	1	QL(3 ea daily)
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1	
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1	
<i>amoxapine</i>	1	
<i>clomipramine hcl</i>	1	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1	
<i>imipramine pamoate</i>	1	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1	
<i>protriptyline hcl</i>	1	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glipizide-metformin hcl</i> 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1	QL(2 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl</i> 500 MG-5 MG	1	QL(4 ea daily)	XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(4 ea daily)	Biguanides		
<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 500 MG	1	QL(5 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 1000 MG	1	QL(2.5 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TB24 750 MG	1	QL(3 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl</i> TB24 500 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 ea daily)	Diabetic Other		
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl</i> TABS	1	QL(2 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1	QL(2 ea daily)	<i>glucagon (rdna)</i>	1	QL(0.035 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(1 ea daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA	<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)	Incretin Mimetic Agents		
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
			TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
			VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
			Insulin		
			APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
			APIDRA SOLN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KLOXXADO LIQD	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant MISC</i>	1	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1	
<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>loratadine TBDP</i>	1	
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SYRP</i>	1	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>ramipril CAPS</i>	1	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1	
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1		<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	ST
<i>guanfacine hcl</i>	1		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Antihypertensive Combinations			<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	ST	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)			
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1				
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 ea daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1				
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)			
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1	
<i>trimethoprim TABS</i>	1	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
Antiprotozoal Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1	
<i>melphalan hcl</i>	1	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	DAURISMO	4	PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
MVASI	4	PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
ZIRABEV	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Antibodies			<i>anastrozole</i>	1	QL(1 ea daily)
ADCETRIS	4	SP; PA	<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
TRUXIMA	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
YERVOY	4	SP; PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
KANJINTI	4	PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
OGIVRI	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
TUKYSA	4	PA	<i>letrozole</i>	1	
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA			
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA			
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA			
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LYSODREN	4	SP; PA	<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1		<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1		<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>nilutamide</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		Antineoplastic Combinations		
<i>toremifene citrate</i>	1		KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA	KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA	ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA	ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	BALVERSA	4	PA
Antineoplastic - Immunomodulators			<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
XPOVIO	4	PA	BRUKINSA	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA			
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA			
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	RETEVMO	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	TABRECTA	4	PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KOSELUGO	4	PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TAZVERIK	4	PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA	VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XOSPATA	4	PA	<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
ZELBORAF	4	SP; PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA	HALAVEN	4	SP; PA
Antineoplastic Enzymes			IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
ONCASPAR	4	SP; PA	JEVTANA	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.			<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ACTIMMUNE	4	SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
<i>hydroxyurea</i>	1		HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP; PA	<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
MATULANE	4	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA	ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
PHOTOFRIN	4	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
PROLEUKIN	4	SP; PA	<i>carbidopa</i>	1	
SYNRIBO	4	SP; PA	Antiparkinson Anticholinergics		
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1		<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
UVADEX	4	SP; PA	<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
Chemotherapy Adjuncts			<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1		<i>entacapone</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1		<i>tolcapone</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1				
VORAXAZE	4	SP; PA			
Mitotic Inhibitors					
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiparkinson Dopaminergics			<i>lithium carbonate CAPS</i>	1	
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1		<i>lithium carbonate TABS</i>	1	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1		<i>lithium carbonate TBCR</i>	1	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1		Antipsychotics - Misc.		
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	EQUETRO	3	
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1		<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1		<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1		<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1		Benzisoxazoles		
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1		FANAPT	2	QL(2 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1		FANAPT TITRATION PACK	2	
NEUPRO	2		<i>paliperidone 6 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1		<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1		RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 ea daily); ST	<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 ea daily); ST	<i>risperidone SOLN</i>	1	QL(8 ml daily)
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			<i>risperidone TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 ea daily); PA	<i>risperidone TBDP</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1		Butyrophenones		
<i>selegiline hcl TABS</i>	1		<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ml daily)
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
Antimanic Agents			<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
LITHIUM	1		<i>haloperidol TABS</i>	1	
			Dibenzapines		
			<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
			<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clozapine TABS</i>	1	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1	
<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1	
<i>perphenazine TABS</i>	1	
<i>prochlorperazine</i>	1	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1	
<i>thioridazine hcl</i>	1	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1	
Quinolinone Derivatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	3	QL(1 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir</i> TABS	4	QL(1 ea daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv)</i> TABS	1	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> CAPS	1	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> TABS 200 MG	1	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir</i> CAPS	1	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir</i> SUSP	1	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir</i> TABS OR	1	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir</i> 500 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir</i> 125 MG, 250 MG	1	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl</i> 1 GM, 1000 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl</i> 500 MG	1	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate</i> CAPS	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate</i> SUSR	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride</i> TABS	1	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl</i> SOLN	1	
<i>labetalol hcl</i> TABS 300 MG	1	QL(8 ea daily)
<i>labetalol hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl</i> CAPS	1	
<i>atenolol</i> TABS	1	
<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1	
<i>metoprolol succinate</i> TB24 200 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate</i> TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	1	
<i>metoprolol tartrate</i> SOLN IV 5 MG/5ML	1	
<i>metoprolol tartrate</i> TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	1	
<i>nebivolol hcl</i> 20 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl</i> 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
<i>pindolol TABS</i>	1	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
<i>timolol maleate TABS</i>	1	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine</i>	1	
<i>isradipine CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine TB24</i>	1	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
Impotence Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS</i>	1	
<i>cephalexin SUSR</i>	1	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1		<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1		<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1		<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1	ST	NATAZIA	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0				
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1	
TYBLUME CHEW	0		<i>dexamethasone ELIX</i>	1	
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>dexamethasone SOLN</i>	1	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		<i>dexamethasone TABS</i>	1	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)	EMFLAZA SUSP	4	PA
Combination Contraceptives - Vaginal			EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (<i>deflazacort</i>)	4	PA
ANNOVERA	0	PA	<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	MEDROL TABS	3	
Emergency Contraceptives			<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
ELLA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)	<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)	<i>prednisolone SOLN</i>	1	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone TABS</i>	1	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisone SOLN</i>	1	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisone TABS</i>	1	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone TBPK</i>	1	
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 ea daily)	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG</i>	4	PA	SOLU-MEDROL 2 GM	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3		<i>triamcinolone acetanide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS	1	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex</i> SUER	1	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine</i> SOLN	1	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide</i> GEL 2.5 %-0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene</i> CREA	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene</i> GEL 0.3 %	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene</i> GEL 0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin</i> GEL	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide</i> FOAM 5.3 %, 9.8 %	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 5 %	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> FOAM	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> GEL	1	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> LOTN	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SOLN	1	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SWAB	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide</i> GEL 5 %-1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid)</i> PADS	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid)</i> SOLN	1	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	
<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1	
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>tavaborole</i>	1	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 ea daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1	
<i>tazarotene CREA</i>	1	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	ST
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 gm daily); PA
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 gm daily); ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ml daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>amcinonide LOTN</i>	3				
<i>amcinonide OINT</i>	3				
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1		<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>prednicarbate OINT</i>	1	
<i>fluocinonide OINT</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(3.34 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
KETONE TEST STRIPS STRP	1		ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
KETONE STRP	1		DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
KETOSTIX STRP	1		Carbonic Anhydrase Inhibitors		
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1		<i>acetazolamide sodium</i>	1	
PRECISION XTRA	1		<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
PTS PANELS KETONE TEST	1		<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1		<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC	<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC	<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
TRUETRACK TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC	Diuretic Combinations		
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes			<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1	
Digestive Enzymes			<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1	
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
			Loop Diuretics		
			<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
			<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>torseamide TABS</i>	1	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Growth Hormones			NAGLAZYME	4	SP; PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	<i>nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	PHEBURANE PLLT	4	PA
Hormone Receptor Modulators			<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
INCRELEX	4	SP; PA	Posterior Pituitary Hormones		
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
FENSOLVI SC	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
SYNAREL	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
Metabolic Modifiers			STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
ALDURAZYME	4	SP; PA	Prolactin Inhibitors		
<i>betaine</i>	4	SP; PA	<i>cabergoline</i>	1	
<i>calcitriol CAPS</i>	1		Somatostatic Agents		
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1		<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1		SIGNIFOR	4	PA
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1		Vasopressin Receptor Antagonists		
ELAPRASE	4	SP; PA	<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA	ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying		
LUMIZYME	4	SP; PA			
MYALEPT	4	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS</i>	1	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
Gout Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>allopurinol</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1	
<i>temazepam</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	
<i>azithromycin SOLR</i>	1	
<i>azithromycin SUSR</i>	1	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1	
<i>clarithromycin TABS</i>	1	
<i>clarithromycin TB24</i>	1	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
FEMCAP DEVI	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0				
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		Parenteral Therapy Supplies		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM	1	QL(5 ea daily); RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS CONTAIN	1	QL(5 ea daily)
Diabetic Supplies			MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA	Migraine Combinations		
PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	1	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	QL(1.5 ea daily)
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day	<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)
			Migraine Products		
			<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ml daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
Electrolyte Mixtures		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
<i>electrolyte-148</i>	1	
<i>electrolyte-a</i>	1	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-S	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1		<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1	
<i>lactated ringer's</i>	1		Phosphate		
NORMOSOL-M/D5W	1		<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1	
NORMOSOL-R	1		Potassium		
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		<i>potassium chloride CPCR</i>	1	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1	PA
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1	
<i>ringer's</i>	1		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1	
Fluoride			Sodium		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	
Magnesium			MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
			Chelating Agents		
			<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
			<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
			<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
			Immunomodulators		
			<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1	
<i>azathioprine TABS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1	
<i>mycophenolate sodium</i>	1	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	
<i>ringer's irrigation</i>	1	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
			MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
			Central Muscle Relaxants		
			<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carisoprodol TABS</i>	1	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ml daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1	
IOPIDINE	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
<i>trifluridine</i>	1	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSP</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 500000 UNIT</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1	
<i>memantine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	4	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	
<i>pimozide</i>	1	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1	
NP THYROID 120 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DAPTACEL	0		<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0		<i>famotidine SUSR</i>	1	QL(10 ml daily)
INFANRIX	0		<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	RX/OTC
KINRIX SUSY	0		<i>nizatidine CAPS</i>	1	
PEDIARIX SUSY	0		<i>nizatidine SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
PENTACEL	0		<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1	
QUADRACEL SUSP	0		Misc. Anti-Ulcer		
QUADRACEL SUSY	0		<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
TDVAX SUSP	0		<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
TENIVAC INJ	0		Proton Pump Inhibitors		
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0		<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions			<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
Antispasmodics			<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1		<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1		<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1		<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1		<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1		<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>methscopolamine bromide</i>	1		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
H-2 Antagonists			Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC	<i>misoprostol</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>trospium chloride CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	AL(At least 60 yrs old)
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AREXVY	0	AL(At least 60 yrs old)	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	HAVRIX	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	IPOL INACTIVATED IPV	0	
			M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		VAQTA	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		Miscellaneous Vaginal Products		
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/SUSP	0		Spermicides		
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	TODAY SPONGE MISC	0	
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	Vaginal Anti-infectives		
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
ROTARIX SUSP	0		GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
ROTARIX SUSR	0		<i>metronidazole vaginal</i>	1	
ROTATEQ SOLN	0		<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)	<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0		<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0		Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
			PHEXXI	0	PV
			Vaginal Estrogens		
			<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 gm daily)
			<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
			FEMRING	3	PA
			PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
			VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
			Anaphylaxis Therapy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ 0.15 MG/0.3ML	1	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ 0.3 MG/0.3ML	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ 0.3 MG/0.3ML	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	albendazole	7
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	albuterol sulfate AERS	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
ABELCET	17	acyclovir topical CREA	39	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albuterol sulfate SYRP	9
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	61	albuterol sulfate TABS	9
ABRYSCO	63	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	alclometasone dipropionate CREA	39
acamprosate calcium	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate OINT	39
acarbose	14	adapalene CREA	36	ALDURAZYME	44
acebutolol hcl CAPS	31	adapalene GEL 0.1 %	36	ALECENSA	25
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 %	36	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alfuzosin hcl	46
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	30	ALINIA SUSP	21
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	33	aliskiren fumarate	21
acetazolamide CP12	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	61	allopurinol	47
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	63	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetazolamide TABS 125 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	63	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetazolamide TABS 250 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	63	ALOCRIAL	57
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	63	alogliptin benzoate	15
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	alogliptin-metformin hcl	14
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	14
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AIMOVIG	51	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14
acitretin 25 MG	38	AIMSCO LUBRICATED MISC	49	ALOMIDE	57
ACTHAR	43	AKYNZEO	17	alosetron hcl	46
ACTHIB SOLR IM	63				
ACTIMMUNE	27				

alprazolam TABS	8	medoxomil	20	MG-5 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-valsartan	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TBDP	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	amphotericin b IV	17
ALREX SUSP	57	amoxapine	14	amphotericin b liposome	17
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 59		ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		ampicillin CAPS 500 MG	58
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		ampicillin sodium IV 10 GM	58
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 59		anagrelide hcl	47
alvimopan	46	amoxicillin CAPS	58	anastrozole	24
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 58		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR	58	ANNOVERA	35
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin TABS	58	ANORO ELLIPTA	9
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	ANZEMET TABS 50 MG	17
amcinonide CREA	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	APIDRA SOLN	15
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	apomorphine hydrochloride SOCT 28	
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			apraclonidine hcl	56
amiloride & hydrochlorothiazide ..	42			aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
amiloride hcl TABS	43			aprepitant CAPS 80 MG	17
aminocaproic acid TABS	48			aprepitant CAPS	17
aminophylline SOLN	10			aprepitant MISC	17
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8			APTIOM	11
amiodarone hcl TABS	8			APTIVUS CAPS	29
amitriptyline hcl TABS	14			ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	47
amlodipine besylate TABS	32			ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	47
amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32				
amlodipine besylate-benazepril hcl 20					
amlodipine besylate-olmesartan					

ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	atorvastatin calcium TABS	19	estradiol-iron)	34
ARCALYST	atovaquone	21	balsalazide disodium CAPS	45
AREXVY	atovaquone-proguanil hcl	22	BALVERSA	25
arformoterol tartrate	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
ARIKAYCE	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
aripiprazole SOLN OR	ATROVENT HFA	8	BARACLUDE SOLN	31
aripiprazole TABS	AUSTEDO TABS	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
armodafinil	AVONEX PEN AJKT	60	BAXDELA SOLR	45
ARMOUR THYROID TABS	AVONEX PSKT	60	BAXDELA TABS	45
ARNUITY ELLIPTA	AYVAKIT	25	BELSOMRA	48
arsenic trioxide 10 MG/10ML	azacitidine SUSR	23	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
ARZERRA	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
ascorbic acid SOLN IJ	AZATHIOPRINE	54	benazepril hcl	19
asenapine maleate 2.5 MG	azathioprine TABS	54	bendamustine hcl SOLR	23
asenapine maleate 5 MG, 10 MG ..	azelaic acid GEL	41	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	36
aspirin CHEW	azelastine hcl (ophth)	57	benzonatate 100 MG	36
aspirin TABS 325 MG	azelastine hcl	56	benzonatate 150 MG	36
aspirin TBEC 325 MG	AZELEX	36	benzonatate 200 MG	36
aspirin TBEC 81 MG	azithromycin PACK	49	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	36
aspirin-dipyridamole	azithromycin SOLR	49	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	azithromycin SUSR	49	benzoyl peroxide GEL 5 %	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	azithromycin TABS 250 MG	49	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	36
atenolol & chlorthalidone	azithromycin TABS 500 MG	49	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	36
atenolol TABS	azithromycin TABS 600 MG	49	benztropine mesylate SOLN	27
ATGAM	aztreonam 1 GM	21	benztropine mesylate TABS	27
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	bacitracin (ophthalmic)	57		
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	bacitracin	21		
	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	55		
	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl			

bepotastine besilate	57	bisoprolol & hydrochlorothiazide	20	dihydrate	9
betaine	44	bisoprolol fumarate	31	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	42
betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide TABS	42
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	BOOSTRIX SUSP	61	buprenorphine hcl SOLN	6
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	BOOSTRIX SUSY	61	buprenorphine hcl SUBL	6
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG	6
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG	6
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	bosentan TABS 125 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	6
betamethasone valerate CREA	39	bosentan TABS 62.5 MG	33	buprenorphine PTWK	6
betamethasone valerate FOAM	39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	25	bupropion hcl (smoking deterrent)	60
betamethasone valerate LOTN	39	BOSULIF TABS 400 MG	25	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate OINT	39	BRAFTOVI 75 MG	25	bupropion hcl TB12 100 MG	13
BETASERON KIT	60	BREO ELLIPTA	9	bupropion hcl TB12 150 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	56	BREZTRI AEROSPHERE	9	bupropion hcl TB12 200 MG	13
betaxolol hcl	31	BRILINTA	47	bupropion hcl TB12 200 MG	13
bethanechol chloride 25 MG	63	brimonidine tartrate (topical)	41	bupropion hcl TB24 150 MG	13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	63	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	56	bupropion hcl TB24 300 MG	13
bexarotene (topical)	38	brimonidine tartrate-timolol maleate	56	bupirone hcl	7
bexarotene	27	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	11	busulfan SOLN	23
BEXSERO	63	BRIVIACT TABS	11	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4
bicalutamide	24	bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	57	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4
BIKTARVY	29	bromocriptine mesylate CAPS	28	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4
bimatoprost SOLN	58	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4
bisacodyl SUPP	49	BRUKINSA	25	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6
bisacodyl TBEC	49	budesonide (inhalation) SUSP	9		
		budesonide (intrarectal)	7		
		budesonide (nasal)	56		
		budesonide CPEP	35		
		budesonide-formoterol fumarate			

butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CAPASTAT SULFATE	22	cefaclor CAPS	33
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	capecitabine	23	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	33
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	CAPRELSA	25	cefadroxil CAPS	33
butenafine hcl	37	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil SUSR	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	6	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG ..	19	cefadroxil TABS	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML ..	6	carbamazepine CHEW	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
cabergoline	44	carbamazepine CP12 100 MG	11	cefdinir CAPS	34
CABLIVI	47	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefdinir SUSR	34
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
calcipotriene CREA	38	carbamazepine SUSP	11	cefixime CAPS	34
calcipotriene OINT	38	carbamazepine TABS	11	cefixime SUSR	34
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	11	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcipotriene-betamethasone		carbamazepine TB12 200 MG	11	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
dipropionate OINT	39	carbidopa	27	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34
calcipotriene-betamethasone		carbidopa-levodopa TABS	28	cefpodoxime proxetil SUSR	34
dipropionate SUSP	39	carbidopa-levodopa TBCR	28	cefpodoxime proxetil TABS	34
calcitonin (salmon) NA	43	carbidopa-levodopa TBDP	28	cefprozil SUSR	34
calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa entacapone ..	28	cefprozil TABS	34
calcitriol CAPS	44	carbinoxamine maleate SOLN	18	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34
calcitriol SOLN IV	44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18		ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG	34
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23	cefuroxime axetil TABS	34
calcium acetate (phosphate binder) TABs	46	carisoprodol TABS	56	cefuroxime sodium IJ 750 MG	34
calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carmustine	23	celecoxib	3
calcium polycarbophil TABS	48	carteolol hcl (ophth)	56	CELONTIN (methsuximide)	13
CALQUENCE	25	carvedilol	31	cephalexin CAPS	33
candesartan cilexetil	19	carvedilol phosphate	31	cephalexin SUSR	33
candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	casprofungin acetate	17	CERDELGA	47
		CAYA DPRH	49	CEREZYME 400 UNIT	47
		CAYSTON	21		

cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox GEL	37	CLASSIC PRENATAL TABS	54
cevimeline hcl	54	ciclopirox olamine CREA	37	clemastine fumarate SYRP	18
CHEMET	16	ciclopirox olamine SUSP	37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18
CHEMSTRIP-K STRP	41	ciclopirox SHAM	37	CLIMARA PRO	45
chloramphenicol sodium succinate		ciclopirox SOLN	37	clindamycin hcl	21
21		cidofovir	30	clindamycin palmitate hydrochloride .	21
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cilostazol	47	clindamycin phosphate (topical)	
chlordiazepoxide hcl-clidinium		CIMDUO	29	FOAM	36
bromide	62	cimetidine TABS	62	clindamycin phosphate (topical) GEL	36
chlordiazepoxide-amitriptyline	59	cinacalcet hcl	44	clindamycin phosphate (topical)	
chlorhexidine gluconate (mouth-		CIPRO SUSR	45	LOTN	36
throat)	54	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	57	clindamycin phosphate (topical)	
chloroquine phosphate TABS 250		ciprofloxacin hcl (otic)	58	SOLN	36
MG	22	ciprofloxacin hcl TABS	45	clindamycin phosphate (topical)	
chloroquine phosphate TABS 500		ciprofloxacin in d5w 5 %-200		SWAB	36
MG	22	MG/100ML	45	clindamycin phosphate SOLN IJ 9	
chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML,		GM/60ML, 300 MG/2ML, 600	
chlorpromazine hcl TABS	29	500 MG/5ML	45	MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000	
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin-dexamethasone	58	MG/60ML	21
chlorzoxazone TABS 500 MG	56	ciprofloxacin-fluocinolone acetone .	58	clindamycin phosphate vaginal CREA	
CHOLBAM	45	58		66
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25		cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	23	clindamycin phosphate-benzoyl	
MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT,		citalopram hydrobromide SOLN ...	13	peroxide (refrigerate)	36
2000 UNIT, 50000 UNIT	67	citalopram hydrobromide TABS 10		clindamycin phosphate-benzoyl	
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400		MG	13	peroxide GEL 5 %-1 %	36
UNIT	67	citalopram hydrobromide TABS 20		clindamycin phosphate-tretinoin ..	36
cholestyramine light PACK	18	MG	13	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	
cholestyramine light POWD	18	citalopram hydrobromide TABS 40		56	
cholestyramine PACK	18	MG	13	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	56
cholestyramine POWD	19	clarithromycin SUSR	49	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	
choline fenofibrate	19	clarithromycin TABS	49	56	
CHORIONIC GONADOTROPIN IM		clarithromycin TB24	49	clobazam SUSP	11
43					

clobazam TABS	11	29	CRESEMBA CAPS 186 MG	18	
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 39		clozapine TBDP 25 MG	29	cromolyn sodium (ophth)	57
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	39	COARTEM	22	cromolyn sodium NEBU	8
clobetasol propionate FOAM	39	codeine sulfate TABS 30 MG	4	crotamiton LOTN	41
clobetasol propionate GEL 0.05 %	39	CODEINE SULFATE TABS	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
clobetasol propionate OINT 0.05 % 39		colchicine TABS	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 39		colchicine w/ probenecid	46	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	56
clocortolone pivalate	39	colesevelam hcl PACK	19	cyclophosphamide CAPS	23
clofarabine	23	colesevelam hcl TABS	19	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clomipramine hcl	14	colestipol hcl GRAN	19	cycloserine	22
clonazepam TABS	11	colestipol hcl PACK	19	cyclosporine (ophth) EMUL	57
clonidine	20	colestipol hcl TABS	19	cyclosporine CAPS	54
clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMETRIQ KIT	25	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	54
clonidine hcl TABS	20	COMETRIQ KIT	26	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	54
clopidogrel bisulfate 300 MG	47	COMIRNATY 2023-24 SUSP	64	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54
clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COMIRNATY 2023-24 SUSY	64	CYLTEZO AJKT	3
clorazepate dipotassium TABS	8	COMIRNATY SUSP	64	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3
clotrimazole (topical) CREA	37	COMPLERA	29	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3
clotrimazole (topical) SOLN	37	CONTRAVE	1	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3
clotrimazole	54	COPIKTRA	26	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	CORDRAN TAPE	40	cyproheptadine hcl SYRP	18
clotrimazole w/ betamethasone CREA	37	CORLANOR SOLN	33	cyproheptadine hcl TABS	18
clotrimazole w/ betamethasone LOTN	37	CORLANOR TABS	33	CYSTAGON CAPS	46
clozapine TABS	29	CORTISPORIN-TC	58		
clozapine TBDP 100 MG	29	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	38		
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG		COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38		
		COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38		
		COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38		
		CREON CPEP	42		

CYSTARAN	57	DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57
cytarabine SOLN	23	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	11	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone SOLN	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		desloratadine TABS	18	dexamethasone TABS	35
dacarbazine SOLR 200 MG	27	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	18
dactinomycin	25	desmopressin acetate SOLN IJ ... 44	44	dexlansoprazole	62
dalfampridine	60	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dexmethylphenidate hcl CP24	1
danazol CAPS	7	desmopressin acetate spray	44	dexmethylphenidate hcl TABS	1
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
dapsone	21	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44	44	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
DAPTACEL	62	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44	44	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
daptomycin 500 MG	21	desogestrel & ethinyl estradiol 34	34	dextrose in lactated ringers	52
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	34	DIACOMIT CAPS	11
darunavir TABS 600 MG	29	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34	DIACOMIT PACK 250 MG	11
darunavir TABS 800 MG	29	desonide CREA	40	DIACOMIT PACK 500 MG	11
DAURISMO	24	desonide LOTN	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	11
DEBACTEROL	54	desonide OINT	40	diazepam CONC	8
decitabine	23	desoximetasone CREA 0.25 % ... 40	40	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML 8	8
deferasirox PACK	16	desoximetasone GEL	40	diazepam TABS	8
deferasirox TABS	16	desoximetasone OINT 0.25 % 40	40	diazoxide	15
deferasirox TBSO	16	desvenlafaxine succinate 100 MG .14	14	dichlorphenamide	42
deferiprone TABS 500 MG	16	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14	diclofenac epolamine PTCH EX ... 38	38
deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG	35	dexamethasone ELIX	35	diclofenac potassium TABS 50 MG .3	3
DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	38
DELSTRIGO	29			diclofenac sodium (ophth)	57
demeclocycline hcl TABS	61				
DEPO-ESTRADIOL	45				

diclofenac sodium (topical) GEL EX 38	diltiazem hcl CP12 32	docusate sodium CAPS 100 MG .. 49
diclofenac sodium TB24 3	diltiazem hcl CP24 32	docusate sodium CAPS 250 MG .. 49
diclofenac sodium TBEC 3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG 32	dofetilide 8
diclofenac w/ misoprostol TBEC 3	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML .. 32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG 59
dicloxacillin sodium 59	DILTIAZEM HCL SOLR 32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG . 59
dicyclomine hcl CAPS 62	diltiazem hcl TABS 32	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG 59
dicyclomine hcl SOLN OR 62	diltiazem hcl TB24 32	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 59
dicyclomine hcl TABS 62	dimethyl fumarate CDPK 60	DOPTelet 47
DIFFERIN LOTN 36	dimethyl fumarate CPDR 60	dorzolamide hcl 57
DIFICID TABS 49	DIPENTUM 45	dorzolamide hcl-timolol maleate .. 56
diflorasone diacetate CREA 40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18	DOVATO 29
diflorasone diacetate OINT 40	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML 18	doxazosin mesylate 20
diflunisal TABS 4	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML 18	doxepin hcl (antipruritic) 38
difluprednate 57	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML 18	doxepin hcl (sleep) 48
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML 32	diphenoxylate w/ atropine LIQD ... 16	doxepin hcl CAPS 14
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG 32	diphenoxylate w/ atropine TABS ... 16	doxepin hcl CONC 14
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 51	DIPHThERIA/TETANUS TOXoids ADSORBED PEDIATRIC SUSP .. 62	doxercalciferol CAPS 44
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 52	dipyridamole 47	doxercalciferol SOLN 44
DILANTIN (phenytoin sodium extended) 12	disopyramide phosphate CAPS 8	doxorubicin hcl liposomal 25
DILANTIN 12	disulfiram 59	doxorubicin hcl SOLN 25
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 12	divalproex sodium TB24 13	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG 25
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 12	divalproex sodium TBEC 13	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG 61
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 32	docetaxel CONC 20 MG/ML 27	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG 61
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML 27	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG 61
	docusate calcium 49	doxycycline (monohydrate) TABS 50

MG	61	electrolyte-a	52	ENBREL SOLN	4
doxycycline hyclate CAPS	61	ELESTRIN GEL	45	ENBREL SOLR	4
doxycycline hyclate SOLR	61	eletriptan hydrobromide	52	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	61	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
dronabinol CAPS	17	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
drosiprenone-ethinyl estradiol	34	ELIQUIS TABS	10	ENGERIX-B SUSY	64
drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	34	ELLA	35	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10
DROXIA CAPS	47	ELMIRON CAPS	46	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10
DUAVEE	45	EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	EMFLAZA SUSP	35	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10
duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort)	35	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	49	EMGALITY SOAJ	51	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10
dutasteride	46	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	51	ENSPRYNG	54
econazole nitrate CREA	37	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	51	entacapone	27
EDARBI	19	EMSAM	13	entecavir TABS	31
EDURANT	29	emtricitabine CAPS	29	EPIDIOLEX	11
efavirenz CAPS 200 MG	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	30	epinastine hcl (ophth)	57
efavirenz CAPS 50 MG	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	67
efavirenz TABS	29	EMTRIVA SOLN	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	67
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	EMVERM CHEW	7	EPIVIR HBV SOLN	31
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		eplerenone	21
EGRIFTA 2 MG	43	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	47
EGRIFTA SV	43	enalapril maleate TABS	19		
ELAPRASE	44	ENBREL MINI SOCT	4		
electrolyte-148	52				

epoprostenol sodium	33	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	EVAMIST SOLN	45
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	62	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
EQUETRO	28	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	62	everolimus TABS	26
ERAXIS	17	esomeprazole magnesium TBEC .	62	EVOTAZ	30
ERBITUX	24	estazolam	48	exemestane	24
ergocalciferol CAPS	67	estradiol GEL	45	ezetimibe	19
ergocalciferol SOLN OR	67	estradiol PTTW	45	ezetimibe-simvastatin	18
ergoloid mesylates TABS	60	estradiol PTWK	45	famciclovir 125 MG, 250 MG	31
ERGOMAR SUBL	52	estradiol PTWK	45	famciclovir 500 MG	31
ergotamine w/ caffeine TABS	51	estradiol TABS	45	famotidine in nacl SOLN	62
ERIVEDGE	24	estradiol vaginal CREA	66	famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	62
ERLEADA 240 MG	24	estradiol vaginal TABS	66	famotidine SUSR	62
ERLEADA 60 MG	24	estradiol valerate	45	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62
erlotinib hcl	24	ESTROGEL GEL	45	FANAPT	28
ERTACZO	37	eszopiclone	48	FANAPT TITRATION PACK	28
ertapenem sodium IJ	21	ethacrynic acid	43	FANTASY LUBRICATED MISC ...	49
erythromycin (acne aid) PADS	36	ethambutol hcl TABS	22	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	49
erythromycin (acne aid) SOLN	36	ethosuximide CAPS	13		
erythromycin (ophth)	57	ethosuximide SOLN	13		
erythromycin base CPEP	49	ethynodiol diacet & eth estrad	34	FARXIGA	16
erythromycin base TABS	49	etodolac CAPS	3	FASENRA PEN SOAJ	8
erythromycin base TBEC	49	etodolac TABS	3	FASENRA SOSY	8
erythromycin ethylsuccinate SUSR 49		etonogestrel-ethinyl estradiol	35	FC2 FEMALE CONDOM	49
erythromycin ethylsuccinate TABS	49	ETOPOPHOS	27	febuxostat	47
escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide CAPS	27	felbamate SUSP	12
escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27	felbamate TABS 400 MG	12
escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etravirine 100 MG	30	felbamate TABS 600 MG	12
		etravirine 200 MG	30	felodipine	32
		EUCRISA	41	FEMCAP DEVI	49

FEMRING	66	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	2024 SUSY	65
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
fenopropfen calcium TABS	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	64	fluocinolone acetonide (otic)	58
FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	
fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	64	fluocinolone acetonide OIL	40
ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	fluocinolone acetonide OINT	40
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	64	fluocinolone acetonide SOLN	40
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	fluocinonide CREA 0.05 %	40
ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	fluocinonide emulsified base	40
fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluocinonide GEL	40
FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	fluocinonide OINT	40
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluocinonide SOLN	40
finasteride	46	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluorometholone (ophth) SUSP	57
fingolimod hcl	60	fluconazole SUSR	18	fluorouracil (topical) CREA 5 %	38
FIRDAPSE	22	fluconazole TABS	18	fluorouracil (topical) SOLN	38
FIRMAGON	24	flucytosine	17	fluorouracil 500 MG/10ML	23
flavoxate hcl	63	fludarabine phosphate SOLN	23	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13
flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLR	23	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13
floxuridine	23	fludrocortisone acetate TABS	36	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	fluoxetine hcl CPDR	13
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	fluoxetine hcl SOLN	13
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-		fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 13	
				fluoxetine hcl TABS 20 MG	13
				fluphenazine hcl CONC	29
				fluphenazine hcl ELIX	29
				fluphenazine hcl SOLN	29

fluphenazine hcl TABS	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	FRAGMIN SOSY	11
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurandrenolide LOTN	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurazepam hcl	48	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen sodium	57	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen TABS	3	FML FORTE SUSP	57	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flutamide	24	FML OINT	57	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone furoate-vilanterol	9	folic acid TABS	47	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (nasal) SUSP .56		fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 10		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate CREA 0.05 % 40		fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML .10		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate LOTN	40	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML .10		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate OINT	40	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	41	frovatriptan succinate	52
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	9	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	41	fulvestrant SOSY	24
fluticasone-salmeterol AERO	10	formoterol fumarate NEBU	10	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	43
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	43	furosemide TABS	43
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19	FOSAMAX PLUS D	43	FUZEON SOLR	30
fluvoxamine maleate TABS 100 MG .13		fosamprenavir calcium TABS	30	FYCOMPA TABS 2 MG	11
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	13	fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 4 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	65	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	FYCOMPA TABS 6 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	65	fosinopril sodium	19	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	65	fosphenytoin sodium	12	gabapentin CAPS	11
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65			gabapentin SOLN	12

gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	gentamicin sulfate (ophth) OINT ...57	MG/20ML 62
GALAFOLD44	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..57	glycopyrrolate TABS 1 MG 62
galantamine hydrobromide CP24 ..59	gentamicin sulfate (topical) CREA .37	glycopyrrolate TABS 2 MG 62
galantamine hydrobromide SOLN .59	gentamicin sulfate (topical) OINT ..37	GLYXAMBI 15
galantamine hydrobromide TABS .59	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML 2	GNP PRENATAL TABS 55
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 58	GENVOYA30	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS42
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 58	GILOTRIF 24	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML 58	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 60	granisetron hcl TABS 17
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR58	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 60	GRASTEK SUBL2
GAMMAKED 1 GM/10ML58	GLEOSTINE 10 MG 23	griseofulvin microsize SUSP17
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 58	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 23	griseofulvin microsize TABS17
GAMUNEX-C 1 GM/10ML58	glimepiride 1 MG, 2 MG16	griseofulvin ultramicrosize17
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML 58	glimepiride 4 MG16	guanfacine hcl (adhd)1
ganciclovir sodium SOLR30	glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16	guanfacine hcl20
ganirelix acetate43	glipizide TB2416	GYNAZOLE-166
GARDASIL 9 SUSP65	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ3
GARDASIL 9 SUSY65	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG15	HADLIMA SOSY 3
gatifloxacin (ophth)57	GLUCAGEN DIAGNOSTIC41	HAEGARDA SOLR SC 47
gefitinib24	glucagon (rdna)15	HALAVEN27
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG 23	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16	halcinonide CREA 40
gemfibrozil TABS19	glyburide TABS 16	halobetasol propionate CREA40
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15	halobetasol propionate OINT40
	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG15	HALOG OINT 40
	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..46	haloperidol decanoate28
	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4	haloperidol lactate CONC28
		haloperidol lactate SOLN28
		haloperidol TABS 28
		HAVRIX65
		HEMANGEOL SOLN OR31

heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	MG, 16 MG	5
HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	
HEPLISAV-B SOSY	65	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydroxyurea	27
HIBERIX SOLR IJ	63	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	7
HUMATROPE CART IJ	44	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6	hydroxyzine hcl SYRP	7
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxyzine hcl TABS	7
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocortisone (rectal) EX	7	hydroxyzine pamoate CAPS	8
HUMIRA PEN PNKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40	HYPERSAL NEBU	36
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40		HYQVIA	58
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40	ibandronate sodium SOLN	43
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	3	hydrocortisone acetate (rectal)	7	ibandronate sodium TABS	43
HUMIRA PSKT	3	hydrocortisone butyrate CREA	40	IBRANCE CAPS	26
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone butyrate OINT	40	IBRANCE TABS	26
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16	hydrocortisone butyrate SOLN	40	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	3
HYCAMTIN CAPS	27	hydrocortisone TABS	35	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG	3
hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone valerate CREA	40	icatibant acetate SOLN	47
hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone valerate OINT	40	icatibant acetate SOSY	47
hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone w/acetic acid	58	ICLUSIG	26
hydrochlorothiazide TABS	43	hydromorphone hcl LIQD	5	icosapent ethyl 1 GM	18
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER	36	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5		idarubicin hcl 20 MG/20ML	25
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325		hydromorphone hcl TABS	5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25
		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23
		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12		ifosfamide SOLR	23
				imatinib mesylate	26
				IMBRUVICA CAPS 140 MG	26
				IMBRUVICA CAPS 70 MG	26
				IMBRUVICA SUSP	26
				IMBRUVICA TABS	26

imipenem-cilastatin IV	21	INTRAROSA	66	40 MG	37
imipramine hcl TABS	14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	27	isradipine CAPS	32
imipramine pamoate	14	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	52	itraconazole CAPS	18
imiquimod 5 %	41	IOPIDINE	56	itraconazole SOLN	18
IMPAVIDO	21	IPOL INACTIVATED IPV	65	ivermectin (pediculicide)	41
INCRELEX	44	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	56	ivermectin	7
INCRUSE ELLIPTA	8	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	56	IXEMPRA KIT 15 MG	27
indapamide TABS 1.25 MG	43	ipratropium bromide SOLN 0.02 %	8	JAKAFI	26
indapamide TABS 2.5 MG	43	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANUMET TABS	15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	3	irbesartan	19	JANUMET XR TB24 1000 MG-100	15
indomethacin CPCR	4	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	MG	15
INFANRIX	62	IRESSA (gefitinib)	24	JANUMET XR TB24 1000 MG-50	15
INFLECTRA	45	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	27	MG, 500 MG-50 MG	15
INGREZZA CAPS	60	MG/5ML	27	JANUVIA	15
INGREZZA CPPK	60	irrigation solutions, physiological	54	JARDIANCE	16
INLYTA	23	ISENTRESS CHEW	30	JEVTANA	27
INREBIC	26	ISENTRESS HD TABS	30	JULUCA	30
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	16	ISENTRESS TABS	30	KALYDECO TABS	61
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	52	KAMELEON LUBRICATED MISC	50
INSULIN ASPART		ISOLYTE-S	52	KANJINTI	24
PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SOLN	22	KCL 0.3%/D5W/NAACL 0.9%	
FLEXPEN SUPN	16	isoniazid SYRP	23	(potassium chloride in dextrose &	
INSULIN ASPART		isoniazid TABS	23	sodium chloride)	53
PROTAMINE/INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	7	KEPIVANCE 6.25 MG	27
SUSP	16	MG, 20 MG, 30 MG	7	KESIMPTA	60
INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	32	ketoconazole (topical) CREA	37
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH		isosorbide mononitrate TABS	7	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	37
SOPN	16	isosorbide mononitrate TB24	7	ketoconazole	18
INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,		KETONE STRP	42
INTELENCE 25 MG	30			KETONE TEST STRIPS STRP	42

ketorolac tromethamine (ophth) ...58	KLARITY-A57	lamotrigine CHEW 25 MG 12
ketorolac tromethamine TABS4	KLOXXADO LIQD17	lamotrigine CHEW 5 MG12
KETOSTIX STRP42	KOSELUGO26	lamotrigine TABS 12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 58	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS55	lamotrigine TBDP 12
KEVZARA SOAJ3	KRINTAFEL22	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)32
KEVZARA SOSY3	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI50	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)32
KIMONO COLORS DEVI50	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...50	lansoprazole CPDR 15 MG62
KIMONO LUBRICATED MISC50	KYPROLIS26	lansoprazole CPDR 30 MG62
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC50	labetalol hcl SOLN31	lanthanum carbonate CHEW46
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 31	lapatinib ditosylate26
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC50	labetalol hcl TABS 300 MG31	LASTACAFT58
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12	latanoprost SOLN58
KIMONO PS LUBRICATED MISC .50	lacosamide TABS12	leflunomide4
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50	lactated ringer's (irrigation)54	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG54
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC50	lactated ringer's53	lenalidomide 20 MG53
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50	lactic acid (ammonium lactate) CREA41	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...23
KIMONO SPECIAL DEVI50	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %41	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...23
KINRIX SUSY62	lactulose (encephalopathy)46	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...23
KISQALI26	lactulose SOLN49	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...24
KISQALI FEMARA 200 DOSE25	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (lamotrigine)12	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...24
KISQALI FEMARA 400 DOSE25	lamivudine (hbv) TABS31	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...24
KISQALI FEMARA 600 DOSE25	lamivudine SOLN30	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE24
	lamivudine TABS 150 MG30	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE24
	lamivudine TABS 300 MG30	letrozole24
	lamivudine-zidovudine30	leucovorin calcium SOLR27
		leucovorin calcium TABS27
		LEUKERAN23
		LEUKINE SOLR IJ47
		leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML

24	(continuous)	34	loperamide hcl CAPS	16	
levabuterol hcl	10	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34	lopinavir-ritonavir SOLN	30	
levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lopinavir-ritonavir TABS	30
levabuterol tartrate	10	levothyroxine sodium TABS	61	loratadine CAPS	18
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	LEXIVA SUSP	30	loratadine CHEW	18
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49	loratadine SOLN	18
LEVEMIR SOLN	16	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	54	loratadine TABS	18
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	54	loratadine TBDP	18
levetiracetam TABS 1000 MG	12	lidocaine hcl GEL 2 %	41	lorazepam CONC	8
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12	lidocaine hcl PRSY	41	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine hcl SOLN	41	lorazepam TABS 1 MG	8
levetiracetam TB24	12	lidocaine PTCH 5 %	41	LORBRENA	26
levobunolol hcl 0.5 %	56	lidocaine-prilocaine CREA	41	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lincomycin hcl	21	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20	
levocetirizine dihydrochloride TABS 18		linezolid SUSR	22	losartan potassium	20
levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	linezolid TABS	22	LOTEMAX OINT	57
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	45	LINZESS	46	loteprednol etabonate GEL	57
levofloxacin SOLN OR	45	liothyronine sodium SOLN	61	loteprednol etabonate SUSP	57
levofloxacin TABS	45	liothyronine sodium TABS	61	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19
levonorgestrel & eth estradiol TABS 34		lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		lovastatin TABS 40 MG	19
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20	loxapine succinate	29
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19	lubiprostone	45
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	34	LITHIUM	28	LUCEMYRA	59
levonorgestrel-ethinyl estradiol		lithium carbonate CAPS	28	luliconazole	37
		lithium carbonate TABS	28	LUMIZYME	44
		lithium carbonate TBCR	28	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	24
		LO LOESTRIN FE TABS	34	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	
		LOKELMA	54		

24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	35	mesalamine ENEM	45	
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	59	mesalamine SUPP	45
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 1.2 GM	46
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) .	44	mefloquine hcl	22	mesalamine TBEC 800 MG	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	44	megestrol acetate (appetite)	59	metaxalone 800 MG	56
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	44	megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 1000 MG	15
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	28	megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 500 MG	15
lurasidone hcl 80 MG	28	MEKINIST TABS 0.5 MG	26	metformin hcl TABS 850 MG	15
LYNPARZA TABS	26	MEKINIST TABS 2 MG	26	metformin hcl TB24 500 MG	15
LYSODREN	25	MEKTOVI	26	metformin hcl TB24 750 MG	15
mafenide acetate PACK	39	meloxicam TABS	4	methadone hcl CONC	5
magnesium sulfate IJ 50 %	53	melphalan	23	METHADONE HCL SOLN IJ	5
malathion	41	melphalan hcl	23	methadone hcl SOLN OR	5
maraviroc TABS 150 MG	30	memantine hcl TABS	59	methadone hcl TABS 10 MG	5
maraviroc TABS 300 MG	30	MENACTRA	63	methadone hcl TABS 5 MG	5
MARPLAN	13	MENEST	45	methadone hcl TBSO	5
MASONATAL TABS	55	MENOSTAR PTWK	45	methamphetamine hcl	1
MATULANE	27	MENQUADFI	63	methazolamide TABS	42
MAXIDEX SUSP OP	57	MENVEO SOLR	63	methenamine hippurate	22
MAXX LUBRICATED MISC	50	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5	methimazole TABS	61
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5	METHITEST TABS	7
meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17		meperidine hcl TABS 50 MG	5	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	56
meclofenamate sodium CAPS	4	meprobamate	8	METHOTREXATE	2
MEDROL TABS	35	mercaptopurine TABS	23	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	23
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	35	meropenem	21	methotrexate sodium SOLR	23
		mesalamine CP24	45	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	
		mesalamine CPDR	45	methoxsalen rapid	38
				methscopolamine bromide	62

methsuximide	13	TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	mirtazapine TABS 30 MG	13
methyl dopa TABS	20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	1	metoprolol succinate TB24 200 MG	31	mirtazapine TBDP 15 MG	13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mirtazapine TBDP 30 MG	13
methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mirtazapine TBDP 45 MG	13
methylphenidate hcl CPR	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	31	misoprostol	62
methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mitomycin SOLR IV 20 MG	25
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) CREA	41	mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25
methylphenidate hcl TABS 5 MG ..	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %	41	M-M-R II SOLR	65
methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41	M-NATAL PLUS TABS	55
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	41	modafinil 100 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole TABS	21	modafinil 200 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole vaginal	66	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	66
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	mexiletine hcl	8	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	65
methylphenidate PTCH	2	micafungin sodium	17	MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	65
methylprednisolone acetate SUSP	35	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	66	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	66
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	midodrine hcl	67	moexipril hcl	19
methylprednisolone TABS	35	miglitol	14	mometasone furoate (nasal) SUSP	56
methylprednisolone TBPK	35	miglustat	47	mometasone furoate CREA	40
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	45	minocycline hcl CAPS	61	mometasone furoate OINT	40
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	45	minocycline hcl TABS	61	mometasone furoate SOLN	40
metoclopramide hcl TABS	45	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	montelukast sodium CHEW	9
metolazone	43	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	47	montelukast sodium PACK	9
metoprolol & hydrochlorothiazide		mirtazapine TABS 15 MG	13	montelukast sodium TABS	9

morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5	naftifine hcl CREA 2 %	37	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	55
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5	NAGLAZYME	44	NEONATAL PLUS TABS	55
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5	nalbuphine hcl	6	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	55
morphine sulfate TABS	5	naloxone hcl LIQD	17	NEONATAL VITAMIN TABS	55
morphine sulfate TBCR	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17	neostigmine methylsulfate SOSY ..	22
MOTOFEN	16	naltrexone hcl	17	NEO-SYNALAR	37
MOVANTIK	46	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	NEUPRO	28
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	57	naproxen SUSP	4	NEVANAC	58
moxifloxacin hcl in sodium chloride 45		naproxen TABS	4	nevirapine SUSP	30
moxifloxacin hcl TABS	45	naproxen TBEC 500 MG	4	nevirapine TABS	30
MOZOBIL (plerixafor)	48	naratriptan hcl	52	nevirapine TB24 100 MG	30
MULPLETA	47	NATAACYN	57	nevirapine TB24 400 MG	30
MULTI PRENATAL TABS	55	NATAZIA	34	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	62
mupirocin calcium (topical)	37	nateglinide	16	NEXTSTELLIS	34
mupirocin OINT	37	NAYZILAM	11	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
MVASI	24	neбиволол hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31		niacin CPR 250 MG, 500 MG	67
MYALEPT	44	neбиволол hcl 20 MG	31	niacin TABS	67
mycophenolate mofetil CAPS	54	NEBUSAL NEBU	36	niacin TBCR	67
mycophenolate mofetil TABS	54	nefazodone hcl	14	NIACIN TR TBCR	67
mycophenolate sodium	54	nelarabine	23	niacinamide TABS	67
MYLERAN TABS	23	neomycin sulfate TABS	2	nicardipine hcl CAPS	32
nabumetone	4	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57	nicardipine hcl SOLN	32
nadolol TABS 20 MG	32	neomycin-polymy-dexameth OINT	57	nicotine MISC XX	60
nadolol TABS 40 MG	32	neomycin-polymy-dexameth SUSP	57	nicotine polacrilex GUM	60
nadolol TABS 80 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	57	nicotine polacrilex LOZG	60
nafcillin sodium IV 10 GM	59	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	58	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	
naftifine hcl CREA 1 %	37	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	58		

MG/24HR, 21 MG/24HR	60	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML	44	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	42
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	60	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44	NOVAREL IM 10000 UNIT	43
NICOTROL INHALER INHA	60	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
NICOTROL NS SOLN	60	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	34	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	34	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	32	norethindrone & eth estradiol	34	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 34		NOVOLIN R SOLN IJ	16
nifedipine TB24	32	norethindrone (contraceptive)	35	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nilutamide	25	norethindrone acet & eth estra ...	34	NP THYROID 120 TABS	61
nimodipine CAPS	32	norethindrone acetate TABS	59	NP THYROID 15 TABS	61
NINLARO	26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45	NP THYROID 30 TABS	61
NIPENT	27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	34	NP THYROID 60 TABS	61
nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	34	NP THYROID 90 TABS	61
nitazoxanide TABS	21	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NUCALA SOAJ	8
nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG	44	norgestimate-ethinyl estradiol ...	34	NUCALA SOLR	8
NITRO-BID OINT	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NUCALA SOSY 100 MG/ML	8
nitrofurantoin	22	NORMOSOL-M/D5W	53	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	NORMOSOL-R	53	NUCYNTA ER TB12	5
nitrofurantoin monohyd macro	22	nortriptyline hcl CAPS	14	NUCYNTA TABS	5
nitroglycerin CPR	7	nortriptyline hcl SOLN	14	NUEDEXTA	60
nitroglycerin PT24	7	NORVIR PACK	30	NULOJIX	54
NITROGLYCERIN SOLN IV	7	NORVIR SOLN	30	nystatin (mouth-throat)	54
nitroglycerin SUBL	7			nystatin (topical) CREA	38
NIVA-PLUS TABS	55			nystatin (topical) OINT	38
nizatidine CAPS	62			nystatin (topical) POWD EX	38
nizatidine SOLN	62			nystatin TABS	17
				nystatin-triamcinolone CREA	38
				nystatin-triamcinolone OINT	38

octreotide acetate SOLN	44	17	oxazepam CAPS	8	
ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	OXBRYTA TABS 500 MG	47
ODOMZO	24	ondansetron hcl SOSY	17	oxcarbazepine SUSP	12
OFEV	61	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
ofloxacin (ophth)	57	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
ofloxacin (otic)	58	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxiconazole nitrate CREA	38
ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron TBDP 4 MG	17	OXISTAT LOTN	38
OGIVRI	24	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxybutynin chloride SOLN	63
olanzapine SOLR	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	63
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	55	oxybutynin chloride TB24	63
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	OPSUMIT	33	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5
olanzapine TBDP 20 MG	29	ORENITRAM TBCR	33	oxycodone hcl TABS	5
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	ORILISSA	43	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
olmesartan medoxomil	20	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	61	oxymorphone hcl TABS	5
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	61	oxymorphone hcl TB12 40 MG	5
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORLADEYO	47	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5	
olopatadine hcl (nasal)	56	orphenadrine citrate TB12	56	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	15
olopatadine hcl 0.1 %	58	oseltamivir phosphate CAPS	31	OZEMPIC SOPN	15
olopatadine hcl 0.2 %	58	oseltamivir phosphate SUSR	31	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	27
omega-3-acid ethyl esters	18	OSMOPREP	49	paclitaxel protein-bound particles ..	27
omeprazole CPDR	62	OSPHENA	44	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	28
omeprazole magnesium CPDR	62	OTEZLA TABS	4	paliperidone 6 MG	28
omeprazole TBEC	62	OTEZLA TBPK	4	palonosetron hcl SOLN	17
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	oxacillin sodium IV 10 GM	59	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	43
OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	
ONCASPAR	27	oxandrolone	7	43	
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .		oxaprozin TABS	4		

PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	42	bicarbonate-sod chloride	49	19VACCINE/5-11Y SUSP	66
PANRETIN	38	PEGASYS SOLN	31	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	66
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 62		PEGASYS SOSY	31	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	66
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 62		PEMAZYRE	26	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	66
paricalcitol CAPS	44	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66
paricalcitol SOLN	44	peniclovir	39	PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	51
paroxetine hcl SUSP	14	penicillamine CAPS	53	PHEBURANE PLLT	44
paroxetine hcl TABS 10 MG	14	penicillamine TABS	53	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	46
paroxetine hcl TABS 20 MG	14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 58		phendimetrazine tartrate TABS	1
paroxetine hcl TABS 30 MG	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	59	phenelzine sulfate	13
paroxetine hcl TABS 40 MG	14	PENICILLIN G PROCAINE	59	phenobarbital ELIX	48
paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	penicillin g sodium	59	phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	48
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	penicillin v potassium SOLR	59	phenoxybenzamine hcl	19
PASER PACK	23	penicillin v potassium TABS	59	phentermine hcl CAPS	1
pazopanib hcl	26	PENTACEL	62	phenytoin CHEW	12
PEDIARIX SUSY	62	pentazocine w/ naloxone hcl	6	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	12
pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	54	pentoxifylline	47	phenytoin sodium SOLN	12
PEDVAX HIB SUSP	63	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	19	phenytoin SUSP	12
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	48	perindopril erbumine 4 MG	19	PHEXXI	66
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	49	PERJETA	24	PHOSLYRA SOLN	46
peg 3350-potassium chloride-sod		permethrin CREA	41	PHOTOFRIN	27
		permethrin LIQD EX	41	PIFELTRO	30
		perphenazine TABS	29	pilocarpine hcl (oral)	54
		perphenazine-amitriptyline	59		
		PERSERIS PRSY	28		
		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	66		
		PFIZER-BIONTECH COVID-			

pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 56	polymyxin b sulfate SOLR 22	CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) 53
pimecrolimus 41	polymyxin b-trimethoprim 57	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG 46
pimozide 60	POMALYST 25	potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML 53
pindolol TABS 32	posaconazole SUSP 18	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD 37
pioglitazone hcl 16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 53	pralatrexate 20 MG/ML 23
pioglitazone hcl-glimepiride 15	potassium bicarbonate TBEF 53	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG 28
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	potassium chloride CPCR 53	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG 28
piperacillin sodium-tazobactam sodium 59	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % 53	pravastatin sodium 19
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ... 26	potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L 53	praziquantel 7
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ... 26	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 % 53	prazosin hcl CAPS 20
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ... 26	potassium chloride microencapsulated crystals er 53	PRECISION XTRA 42
pirfenidone CAPS 61	potassium chloride PACK OR 20 MEQ 53	PRED MILD 57
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53	prednicarbate OINT 40
pirfenidone TABS 534 MG 61	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML 53	prednisolone acetate (ophth) 57
piroxicam CAPS 4	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ 53	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE 57
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) .. 53	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS 53	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148) 53	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM	prednisolone sodium phosphate TBDP 35
PLEGRIDY SOPN 60		prednisolone SOLN 35
PLEGRIDY SOSY SC 60		prednisolone TABS 35
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 60		prednisone SOLN 35
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC 60		prednisone TABS 35
plerixafor 48		
PNEUMOVAX 23 63		
PNEUMOVAX 23/1 DOSE 63		
podofilox SOLN 41		

prednisone TBPK	35	UNIT	55	PROLIA SOSY	43
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	60	PRENATRIX TABS	55	promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	60	PRENATRYL TABS	55	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREPLUS TABS	55	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREVNAR 13	63	promethazine hcl SYRP	18
pregabalin SOLN	12	PREVNAR 20	63	promethazine hcl TABS	18
PREHEVBRIO	66	PREZCOBIX	30	propafenone hcl CP12	8
PREMARIN	66	PREZISTA SUSP	30	propafenone hcl TABS	8
PREMARIN SOLR	45	PREZISTA TABS (darunavir)	30	proparacaine hcl	57
PREMARIN TABS	45	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	30	propranolol hcl CP24	32
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	50	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	30	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32
PREMPHASE	45	PRIFTIN	23	propranolol hcl TABS	32
PREMPRO	45	primaquine phosphate TABS	22	propylthiouracil	61
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	55	primidone 50 MG, 250 MG	12	protriptyline hcl	14
PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	PRIORIX SUSR	66	PTS PANELS KETONE TEST	42
PRENATAL PLUS TABS	55	probenecid	47	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		PULMOZYME	61
PRENATAL TABS	55	prochlorperazine	29	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	55	prochlorperazine maleate TABS ...	29	pyrazinamide	23
PRENATAL VITAMIN TABS	55	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	pyridostigmine bromide SOLN OR	22
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 55		PROCRIT 40000 UNIT/ML	48	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	55	progesterone CAPS	59	pyridostigmine bromide TBCR	22
PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30		PROGRAF PACK	54	pyrimethamine	22
		PROGRAF SOLN	54	QC PRENATAL TABS	55
		PROLASTIN-C SOLN	60	QINLOCK	26
		PROLASTIN-C SOLR	61	QUADRACEL SUSP	62
		PROLEUKIN	27	QUADRACEL SUSY	62

quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29	TEXTURED DEVI	50	ribavirin (hepatitis c) CAPS	31
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50		ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31	
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ	60	RIDAURA	3
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	60	rifabutin	23
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	REBIF SOSY	60	rifampin CAPS	23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60	rifampin SOLR	23
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	66	riluzole TABS	56
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSY	66	rimantadine hydrochloride TABS ..	31
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	20	RECTIV 0.4 % (nitroglycerin (intra-anal))	7	ringer's	53
quinidine sulfate TABS	8	REGRANEX	41	ringer's irrigation	54
quinine sulfate CAPS 324 MG	22	RELENZA DISKHALER	31	RINVOQ	2
QVAR REDIHALER	9	RELEXXII TBCR 27 MG	2	risedronate sodium TABS 150 MG	43
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	55	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2	risedronate sodium TABS 35 MG ..	43
RA PRENATAL TABS	55	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	42	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	43
rabeprazole sodium TBEC	62	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	42	risedronate sodium TBEC	43
raloxifene hcl	44	RENFLIXIS	46	RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	28
ramelteon	48	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risperidone microspheres	28
ramipril CAPS	19	repaglinide 2 MG	16	risperidone SOLN	28
ranitidine hcl TABS 150 MG	62	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19	risperidone TABS	28
ranolazine TB12 1000 MG	7	REPATHA SOSY	19	risperidone TBDP	28
ranolazine TB12 500 MG	7	REPATHA SURECLICK SOAJ	19	ritonavir TABS	30
rasagiline mesylate	28	RETACRIT	48	rivastigmine tartrate CAPS	59
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50	RETEVMO	26	rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	52
REALITY LATEX/ULTRA		RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	52
		REXULTI	29	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	52
				rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	52
				roflumilast	9
				romidepsin SOLR	26

ropinirole hydrochloride TABS28	SELECT LANCETS 51	SKYRIZI PSKT38
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG28	selegiline hcl CAPS 28	SKYRIZI SOCT 46
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG28	selegiline hcl TABS 28	SKYRIZI SOSY 38
rosuvastatin calcium TABS 19	selenium sulfide LOTN 2.5 %39	SLYND 35
ROTARIX SUSP66	SELZENTRY SOLN30	SM PRENATAL VITAMINS TABS .55
ROTARIX SUSR66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) 52
ROTATEQ SOLN 66	SEREVENT DISKUS10	sodium acetate SOLN 52
ROZLYTREK CAPS 26	sertraline hcl CONC14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % 46
RUBRACA26	sertraline hcl TABS 100 MG 14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %36
rufinamide SUSP12	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %53
rufinamide TABS 200 MG12	sevelamer carbonate PACK 46	sodium citrate & citric acid 46
rufinamide TABS 400 MG12	sevelamer carbonate TABS 46	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG53
RUKOBIA30	SHINGRIX66	sodium phenylbutyrate POWD 44
RUXIENCE24	SIGNIFOR44	sodium phenylbutyrate TABS 44
RYBELSUS TABS 15	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN 33	sodium polystyrene sulfonate POWD 54
salsalate 4	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR 33	sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML54
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .44	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS33	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate 49
SANTYL OINT41	sildenafil citrate33	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS31
sapropterin dihydrochloride PACK .44	silodosin 46	solifenacin succinate TABS63
sapropterin dihydrochloride TABS .44	silver sulfadiazine 39	SOLQUA 100/3315
SAVELLA TABS 59	SIMPONI ARIA SOLN3	SOLOSEC 2
SAVELLA TITRATION PACK MISC 59	SIMULECT 54	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG 35
saxagliptin hcl 15	simvastatin TABS19	SOLU-CORTEF 250 MG 35
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG 15	sirolimus TABS54	SOLU-MEDROL 2 GM35
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG15	SIRTURO23	
scopolamine17	SIVEXTRO TABS22	
SELECT INSULIN SYRINGES ...51	SKYRIZI PEN SOAJ38	

SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 43	STIOLTO RESPIMAT10	SULFAMYLLON CREA 39
sorafenib tosylate26	STIVARGA 26	sulfasalazine TABS 46
SORBITOL 3 %46	streptomycin sulfate SOLR2	sulfasalazine TBEC46
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION46	STRIBILD30	sulindac TABS 4
sotalol hcl (afib/af) 32	STRIVERDI RESPIMAT10	sumatriptan52
sotalol hcl TABS 240 MG32	SUBLOCADE SOSY 6	sumatriptan succinate SOAJ 52
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG32	SUBSYS LIQD 100 MCG 5	sumatriptan succinate SOCT 52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP66	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG 5	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP 66	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG5	sumatriptan succinate TABS 52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY66	sucralfate SUSP 62	sumatriptan-naproxen sodium 51
spinosad41	sucralfate TABS62	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG 26
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..8	sulconazole nitrate CREA38	SUNOSI 150 MG1
SPIRIVA RESPIMAT AERS 8	sulconazole nitrate SOLN38	SUNOSI 75 MG 1
spironolactone & hydrochlorothiazide42	sulfacetamide sodium (acne) 37	SYNAREL 44
spironolactone TABS 43	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57	SYNERA PTCH41
SPRAVATO 56MG DOSE 13	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 % 37	SYNJARDY TABS 15
SPRAVATO 84MG DOSE 13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG 15
SPRYCEL26	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG 15
stannous fluoride CONC54	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %37	SYNRIBO27
stavudine CAPS30	sulfadiazine TABS 61	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)61
STELARA 130 MG/26ML46	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN21	TABLOID 23
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ... 39	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP21	TABRECTA 26
STELARA SOSY 90 MG/ML38	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS21	tacrolimus (topical) OINT 41
STENDRA33		tacrolimus CAPS54
STIMATE SOLN NA 44		tadalafil (pulmonary hypertension) TABS33

tadalafil 5 MG	33	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30	THYMOGLOBULIN	54
TAFINLAR CAPS	26	terazosin hcl	THYROGEN 0.9 MG	41
tafluprost	58	terbinafine hcl TABS	tiagabine hcl	12
TAGRISSO 40 MG	24	terbutaline sulfate SOLN	TIBSOVO	26
TAGRISSO 80 MG	24	terbutaline sulfate TABS	tigecycline	61
TAKHZYRO SOLN	47	terconazole vaginal CREA	timolol maleate (ophth) SOLG	56
TAKHZYRO SOSY	47	terconazole vaginal SUPP	timolol maleate (ophth) SOLN	56
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	26	teriflunomide	timolol maleate TABS	32
tamoxifen citrate TABS	25	teriparatide (recombinant) SOPN ..	tiotropium bromide monohydrate CAPS	8
tamsulosin hcl	46	TERIPARATIDE SOPN	TIVICAY TABS	30
TASIGNA 150 MG, 200 MG	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	tizanidine hcl CAPS	56
TASIGNA 50 MG	26	testosterone cypionate SOLN IM ...	tizanidine hcl TABS	56
tavorole	38	testosterone enanthate SOLN IM ...	tobramycin (ophth) SOLN	57
tazarotene CREA	39	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	tobramycin NEBU	2
TAZVERIK	26	tetrabenazine	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2
TDVAX SUSP	62	tetracycline hcl CAPS	tobramycin-dexamethasone SUSP 57	
TEFLARO	34	THALOMID	TODAY SPONGE MISC	66
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	tolcapone	27
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline SOLN	tolmetin sodium CAPS	4
TEGSEDI	60	theophylline TB12	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
telmisartan	20	theophylline TB24	TOLSURA CAPS	18
telmisartan-amlodipine	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABs	tolterodine tartrate CP24	63
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20	THIOLA EC TBEC 100 MG	tolterodine tartrate TABS	63
temazepam	48	THIOLA EC TBEC 300 MG	tolvaptan TABS	44
TEMODAR SOLR	23	thioridazine hcl	topiramate CPSP 15 MG	12
temozolomide CAPS	23	thiotepa 15 MG	topiramate CPSP 25 MG	12
temsirolimus	26	thiothixene	topiramate CS24	12
TENIVAC INJ	62		topiramate TABS 200 MG	12

topiramate TABS 25 MG, 100 MG .12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %37	trifluridine57
topiramate TABS 50 MG12	tretinoin microsphere 0.1 %37	trihexyphenidyl hcl SOLN27
topotecan hcl SOLR27	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG23	trihexyphenidyl hcl TABS27
toremifene citrate25	triamcinolone acetonide (mouth) ..54	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .15
toremide TABS43	triamcinolone acetonide (nasal) AERO56	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG15
TRACLEER TBSO33	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %40	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .61
tramadol hcl TABS 50 MG5	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %40	trimethobenzamide hcl CAPS17
tramadol hcl TB245	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %40	trimethoprim TABS21
tramadol-acetaminophen6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %40	trimipramine maleate CAPS14
trandolapril 1 MG, 2 MG19	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %40	TRINTELLIX14
trandolapril 4 MG19	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %40	TRIUMEQ TABS30
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG20	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %41	TRIZIVIR30
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG20	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %41	tropicamide SOLN 0.5 %56
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML48	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML35	tropicamide SOLN 1 %56
tranexamic acid TABS48	triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone41	tropium chloride CP2463
tranylcypromine sulfate13	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG42	tropium chloride TABS63
travoprost SOLN58	triamterene & hydrochlorothiazide TABS42	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..42
TRAZIMERA24	triamterene CAPS43	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN51
trazodone hcl TABS14	triazolam48	TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM51
TRECTOR23	TRICARE TABS55	TRUETRACK TEST STRP42
TRELEGY ELLIPTA10	trientine hcl 250 MG53	TRULICITY15
TRELSTAR MIXJECT25	trifluoperazine hcl TABS29	TRUMENBA63
TREMFYA SOPN39		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC50
TREMFYA SOSY39		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC50
treprostinil SOLN IJ33		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC50
tretinoin (chemotherapy)27		
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %37		

TRUSTEX LUBRICATED MISC ...50	TYVASO STARTER SOLN IN33	GM, 500 MG, 1000 MG21
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDD MISC50	UBRELVY51	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC50	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .7	VAQTA66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	UDENYCA SOAJ48	varenicline tartrate TABS60
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC50	UDENYCA SOSY48	varenicline tartrate TBPK60
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS CONTAIN51	VARIVAX INJ66
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC50	UPTRAVI TABS 200 MCG33	VARUBI TBPK17
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDD MISC50	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG33	VAXNEUVANCE63
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .50	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 33	VECAMYL21
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC50	ursodiol CAPS45	VECTIBIX 100 MG/5ML24
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC 50	ursodiol TABS45	venlafaxine hcl CP24 150 MG14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC 50	UVADEX27	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC 50	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...31	venlafaxine hcl CP24 75 MG14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC 50	valacyclovir hcl 500 MG31	venlafaxine hcl TABS14
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC 50	valganciclovir hcl TABS30	venlafaxine hcl TB24 150 MG14
TRUXIMA24	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML13	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG14
TUKYSA24	valproic acid CAPS13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG32
TURALIO26	valrubicin25	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG32
TUZISTRA XR36	valsartan TABS20	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...32
TWINRIX SUSY66	valsartan-hydrochlorothiazide21	verapamil hcl TABS32
TWIRLA35	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD11	verapamil hcl TBCR32
TYBLUME CHEW35	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11	VEREGEN37
TYBOST30	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11	VERZENIO26
TYMLOS43	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD11	VICTOZA15
TYVASO REFILL SOLN IN33	vancomycin hcl CAPS21	vigabatrin PACK12
TYVASO SOLN IN33	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10	vigabatrin TABS12
		VIIBRYD STARTER PACK KIT14

vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	51	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25	
vincristine sulfate	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	51	XTAMPZA ER	6
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	51	XTANDI CAPS	25
VIRACEPT TABS 250 MG	30	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI TABS 40 MG	25
VIRACEPT TABS 625 MG	30	XALKORI CAPS	26	XTANDI TABS 80 MG	25
VIREAD POWD	30	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XULTOPHY 100/3.6	15
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	30	XARELTO SUSR	10	YERVOY	24
VISTOGARD	16	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	YONSA	25
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	67	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	zafirlukast	9
VITATHELY/GINGER TABS	55	XELJANZ SOLN	2	zaleplon 10 MG	48
VITRAKVI CAPS	26	XELJANZ TABS 10 MG	2	zaleplon 5 MG	48
VITRAKVI SOLN	26	XELJANZ TABS 5 MG	2	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
VIVITROL	17	XELJANZ XR TB24	2	ZANOSAR	23
VIZIMPRO	24	XGEVA SOLN	43	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
VORAXAZE	27	XHANCE EXHU	56	ZARXIO	48
voriconazole TABS	18	XIFAXAN 200 MG	21	ZEJULA CAPS	27
VOTRIENT (pazopanib hcl)	26	XIFAXAN 550 MG	21	ZELBORAF	27
VYNDAMAX	33	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	42
VYENDAQEL	33	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	42
VYVANSE CAPS	1	XOLAIR SOLR	8	zidovudine CAPS	30
warfarin sodium TABS	10	XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8	zidovudine SYRP	30
water for irrigation, sterile	54	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8	zidovudine TABS	30
WESTAB PLUS TABS	55	XOSPATA	27	ZIEXTENZO	48
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	50	XPOVIO	25		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	51	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25			
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	51				
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	51				

zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	28
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	57
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid CONC	43
zoledronic acid SOLN	43
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	52
zolmitriptan TABS	52
zolmitriptan TBDP	52
zolpidem tartrate TABS	48
zolpidem tartrate TBCR	48
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	47
ZORBTIVE SC	44
ZUBSOLV SUBL	6
ZYDELIG	27

Ambetter from Arkansas Health & Wellness includes products that are underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life and Health Insurance Company, Inc., which are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance.
© 2023 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and Qualchoice Life & Health Insurance Company, Inc.
All rights reserved.